

HOÀN THIÊN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN BẢO CHỮA CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

PHAN THỊ THANH MAI*

Quyền bào chữa của người bị buộc tội là một trong những quyền cơ bản và quan trọng nhất của người bị buộc tội. Việc bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa là yêu cầu khách quan của tố tụng hình sự. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) đã có những sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường bảo đảm về mặt pháp luật cho việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Mặc dù vậy, một số quy định của BLTTHS năm 2015 về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội vẫn còn những hạn chế nhất định, cần tiếp tục được hoàn thiện.

Từ khóa: Quyền bào chữa, bảo đảm quyền bào chữa, người bị buộc tội, BLTTHS năm 2015, những điểm mới, kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Defense right is one of the most basic and important rights of accused persons. Guarantee for accused persons implementing this right is an objective requirement in criminal proceedings. The Criminal Procedure Code in 2015 has been amended and supplemented to strengthen legal guarantee for the implementation of defense right of accused persons. However, several provisions in this Code about defense right of accused persons have witnessed some shortcomings which need to be completed.

Keywords: Defense right, defense right guarantee, accused persons, the Criminal Procedure Code in 2015, new points, suggestions for amendment and supplement.

1. Quyền bào chữa là quyền con người cơ bản đã được ghi nhận trong các Công ước quốc tế về quyền con người. Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948 khẳng định mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ, không có bất kỳ sự phân biệt nào; mọi người đều có quyền được bảo vệ tại các Tòa án có thẩm quyền trong nước để chống lại các hành động xâm phạm các quyền cơ bản đã được Hiến pháp và luật pháp của các nước thừa nhận; không ai bị bắt, giam hoặc đày ải một cách vô cớ; được hưởng quyền bình đẳng, được xét xử công bằng và công khai trước Tòa án độc lập và không thiên vị; được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là phạm

tội theo pháp luật; không bị coi là phạm tội về hành vi mà theo luật quốc gia hoặc quốc tế không cấu thành tội hình sự.¹ Công ước của Liên hiệp quốc về các quyền dân sự và chính trị² đã ghi nhận cụ thể quyền bào chữa tại điểm b, khoản 3 Điều 14 với nội dung: Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mọi người đều có quyền được “có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Các văn kiện quốc tế về quyền con người, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.23 (xem các điều từ Điều 7 đến Điều 11 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền)

² Việt Nam gia nhập công ước này ngày 24/9/1982.

chữa do chính mình lựa chọn”.³

Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán chủ trương tăng cường hợp tác quốc tế và tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người nhằm thúc đẩy và bảo đảm các quyền và tự do cơ bản cho người dân Việt Nam theo đúng các chuẩn mực quốc tế. “Việt Nam luôn nghiêm túc trong thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ của một quốc gia thành viên các công ước, đặc biệt là nghĩa vụ nội luật hóa quy định của các công ước. Nhờ đó, các quyền con người được quy định ngày càng cụ thể và toàn diện hơn trong luật pháp quốc gia”.⁴ Liên quan đến việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, ngày 2-1-2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, trong đó nêu rõ: “đảm bảo tranh tụng dân chủ giữa kiểm sát viên tại phiên tòa với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác”, “các cơ quan tư pháp có trách nhiệm tạo điều kiện để luật sư tham gia vào quá trình tố tụng: tham gia hỏi cung bị can, nghiên cứu hồ sơ vụ án, tranh luận dân chủ tại phiên tòa...”. Chủ trương này của Đảng tiếp tục được khẳng định trong các Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2-6-2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Hiến pháp năm 2013 cũng đã xác định rõ quyền bào chữa là quyền con người, quyền

công dân nên không chỉ cơ quan xét xử mà tất cả các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong xã hội phải có trách nhiệm tôn trọng và được Nhà nước đảm bảo thực hiện.⁵

Trong tố tụng hình sự, việc giải quyết vụ án hình sự không thể tách rời vấn đề bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền bào chữa của người bị buộc tội. Người bị buộc tội là người bị các chủ thể có thẩm quyền theo quy định của pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự. “Sự buộc tội được coi là hiện hữu từ thời điểm một người được thông báo chính thức bởi cơ quan có thẩm quyền về những chứng cứ rõ ràng cho rằng (nghỉ vấn) anh ta đã thực hiện hành vi phạm tội, (ví dụ: lệnh bắt, lệnh khám xét nhà...). Và kể từ thời điểm đó, một người bị coi là người bị buộc tội trong vụ án hình sự. Sự buộc tội sẽ tồn tại và kéo dài trong suốt quá trình tố tụng chứng minh hành vi của người bị cáo buộc là có tội hay không có tội”.⁶ Tùy theo quy định của pháp luật mỗi nước mà phạm vi, tên gọi của người bị buộc tội có thể khác nhau. Theo BLTTHS năm 2015, người bị buộc tội là người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.⁷ Quyền bào chữa có thể coi là quyền quan trọng nhất trong các quyền tố tụng của người bị buộc tội. Quyền bào chữa của người bị buộc tội là tất cả những

³ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu quyền con người, *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.115.

⁴ Hà Kim Ngọc, Việt Nam tham gia và thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người, <http://baoquocte.vn/viet-nam-tham-gia-va-thuc-hien-cac-cam-ket-quoc-te-ve-quyen-con-nguoi-21180.html>, đăng ngày 18/12/2015, truy cập ngày 23/10/2018

⁵ Hà Thái Thơ, Huỳnh Xuân Tình, Đảm bảo quyền bào chữa theo quy định của Hiến pháp 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2013, <http://www.lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/1902-dam-bao-quyen-bao-chua-theo-quy-dinh-cua-hien-phap-2013-va-bo-luat-to-tung-hinh-su-2015.html>, đăng ngày 16/3/2017, truy cập ngày 24/10/2018.

⁶ Phạm Thị Hồng Đào, Bảo đảm quyền của người bị buộc tội theo điều 6 - Công ước châu Âu về quyền con người <http://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2089>, đăng ngày 1/2/2017, truy cập ngày 23/10/2018

⁷ Điều 4 BLTTHS năm 2015

việc họ được làm, được hưởng, được đòi hỏi nhằm hướng tới việc bác bỏ sự buộc tội, chứng minh sự vô tội, giảm nhẹ tội để bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình. Mặt khác, việc thực hiện quyền bào chữa và bảo đảm thực hiện quyền bào chữa còn là yêu cầu khách quan của tố tụng hình sự, là điều kiện cần thiết để việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đầy đủ; bảo đảm công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Theo Từ điển Tiếng Việt “bảo đảm là làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được, hoặc có đầy đủ những gì cần thiết”.⁸ Như vậy, có thể hiểu bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội là làm cho các quyền đó chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được, hoặc có đầy đủ những gì cần thiết để thực hiện được. Muốn vậy, cần phải có những điều kiện cần thiết có tính toàn diện và đồng bộ, trong đó có bảo đảm bằng pháp luật.⁹ Pháp luật là phương tiện chính thức hóa các giá trị xã hội của quyền con người; các quyền đó được luật hóa và mang tính bắt buộc, được xã hội thừa nhận, bảo vệ. Quyền con người khi đã được quy định trong pháp luật thì nó sẽ trở thành quyền pháp định, là ý chí chung của toàn xã hội, được xã hội thừa nhận phục tùng, được quyền lực Nhà nước tôn trọng bảo vệ và đảm bảo bằng bộ máy, cách thức tác động quyền lực của Nhà nước. Biện pháp bảo đảm bằng pháp luật là điều kiện quan trọng, tạo căn cứ pháp lý cần thiết cho bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Trong pháp luật TTHS, cần phải xác định việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị

buộc tội là nguyên tắc cơ bản của TTHS; có những quy định pháp lý đầy đủ, hợp lý về quyền bào chữa của người bị buộc tội và những quy định pháp luật để bảo đảm và bảo vệ quyền bào chữa của người bị buộc tội; quy định về trách nhiệm của chủ thể tiến hành tố tụng trong việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Bảo đảm pháp lý trong tố tụng hình sự còn là những quy định về thủ tục tố tụng liên quan đến việc thực hiện quyền bào chữa và bảo đảm thực hiện quyền bào chữa nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tố tụng, chống lại sự tùy tiện, loại trừ những sai lầm trong hoạt động tư pháp hình sự. Các quy định về xử lý và chế tài đối với những hành vi trái pháp luật xâm hại quyền bào chữa của người bị buộc tội cũng là đảm bảo cần thiết để thực hiện quyền con người và bảo vệ quyền con người, chống lại những hành vi xâm phạm quyền con người. Tùy tính chất và mức độ vi phạm mà người có hành vi vi phạm pháp luật sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hình sự.

2. BLTTHS năm 2015 đã kế thừa, phát triển các quy định về quyền bào chữa và bảo đảm thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Có nhiều nội dung mới trong quy định của BLTTHS về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Cụ thể:

- BLTTH năm 2015 đã sửa đổi nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội, mở rộng phạm vi chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội không chỉ là cơ quan và người tiến hành tố tụng mà là cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (bao gồm cả những cơ quan khác có thẩm quyền điều tra). Nguyên tắc này cũng quy định cụ thể việc cơ quan, người có thẩm quyền tố tụng

⁸ Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr. 36, 37.

⁹ Trong bài viết này, tác giả chỉ trình bày biện pháp bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội bằng pháp luật

phải thông báo, giải thích, bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện đầy đủ quyền bào chữa của họ.¹⁰

- Mở rộng diện người được bảo đảm quyền bào chữa: ngoài người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, BLTTHS năm 2015 còn quy định người bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp cũng có quyền bào chữa và được bảo đảm quyền bào chữa.¹¹

- Bổ sung quyền cho người bị buộc tội theo hướng bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền tự bào chữa. Cụ thể là các quyền: được nhận các quyết định tố tụng liên quan đến mình; đưa ra chứng cứ; trình bày ý kiến về tài liệu, chứng cứ, đồ vật liên quan và yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; trình bày lời khai, ý kiến; không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người định giá tài sản, người dịch thuật; bị can có quyền đọc ghi chép bản sao hoặc tài liệu đã được số hóa liên quan đến việc buộc tội họ trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra; bị cáo có quyền tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu chủ tọa đồng ý.¹²

- Bổ sung quyền cho người bào chữa: Quy định thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng sớm hơn, phù hợp với việc quy định mở rộng phạm vi người bị buộc tội (thêm người bị bắt) có quyền bào chữa; có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt¹³; sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì người bào chữa có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can; được cơ quan có thẩm quyền tiến hành

tố tụng báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản; đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế.¹⁴ Đồng thời BLTTHS quy định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của người bào chữa. Người bào chữa vi phạm pháp luật thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị hủy bỏ việc đăng ký bào chữa, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của luật.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội, người bào chữa: Mở rộng các trường hợp được cơ quan tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa. BLTTHS năm 2015 đã mở rộng trường hợp chỉ định người bào chữa trên cơ sở nhận thức “sự buộc tội càng cao thì sự bào chữa càng phải lớn, tội phạm càng nghiêm trọng thì càng phải coi trọng việc bào chữa, đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam”.¹⁵ Ngoài các trường hợp quy định trong BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm trường hợp bị can, bị

¹⁰ Điều 13, 16, 26 BLTTHS năm 2015

¹¹ Điều 58, 59, 60, 61 BLTTHS

¹² Điều 58, 59, 60, 61 BLTTHS

¹³ Điều 74 BLTTHS

¹⁴ Sđd, trang 83

¹⁵ Nguyễn Hòa Bình chủ biên (2016), *Những nội dung mới trong BLTTHS năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia, trang 92.

cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù. “Đây là những trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, hậu quả pháp lý rất lớn. Do đó, mở rộng diện người thuộc trường hợp chỉ định bào chữa như trên không chỉ có ý nghĩa nhân đạo mà còn có ý nghĩa to lớn trong nỗ lực bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự”¹⁶; điều chỉnh quy định chỉ người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa mới phải chỉ định người bào chữa.¹⁷

- Để bảo đảm tốt hơn quyền nhờ người bào chữa, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, BLTTHS đã mở rộng diện người bào chữa, bao gồm cả trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.¹⁸ Để bảo đảm quyền tiếp cận người bào chữa của người bị buộc tội, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định người thân thích của người bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa; bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, tạm giữ, tạm giam trong thời hạn luật định từ khi nhận đơn yêu cầu bào chữa của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam phải chuyển cho người bào chữa, nếu đơn không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, tạm giữ phải chuyển cho người đại diện hoặc thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa. Trường hợp người đại diện hoặc người

thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để có ý kiến về việc nhờ người bào chữa.¹⁹

- Để bảo đảm cho người bào chữa có thể nhanh chóng tham gia tố tụng để bào chữa cho người bị buộc tội và để tránh nhận thức không chính xác rằng người bào chữa tham gia tố tụng hoàn toàn phụ thuộc vào sự chấp thuận hay không của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, BLTTHS năm 2015 đã quy định đăng ký bào chữa thay cho quy định cấp giấy chứng nhận người bào chữa.²⁰ BLTTHS năm 2015 quy định thời gian giải quyết đăng ký bào chữa được rút ngắn hơn thời gian cấp giấy chứng nhận bào chữa trước đây. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký bào chữa và phải nêu rõ lý do bằng văn bản. Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp từ chối người bào chữa.²¹

- BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định về trách nhiệm của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải báo trước một thời gian hợp lý cho người bào chữa về thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động tố tụng mà họ có quyền tham gia theo quy

¹⁶ Tôn Thiện Phương, Quyền bào chữa của người bị buộc tội trong BLTTHS năm 2015, <http://kiemsat.vn/quyen-bao-chua-cua-nguoi-bi-buoc-toi-trong-bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-46006.html>, đăng ngày 21/7/2016, truy cập ngày 24/10/2018.

¹⁷ Điều 76 BLTTHS

¹⁸ Khoản 1 Điều 72 BLTTHS

¹⁹ Khoản 2, 3 Điều 75 BLTTHS

²⁰ Khoản 2 Điều 78 BLTTHS năm 2015

²¹ Khoản 4 Điều 78 BLTTHS năm 2015

định.²² Quy định này khắc phục được tình trạng người bào chữa không thực hiện được quyền tham gia hoạt động hỏi cung và các hoạt động tố tụng khác vì không được thông báo về thời gian, địa điểm tiến hành.

- Nhằm tạo điều kiện để người bào chữa được tiếp xúc với người bị buộc tội, BLTTHS năm 2015 quy định rõ thủ tục cho người bào chữa gặp người bị buộc tội đang bị tạm giam. Cơ quan quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam phải phổ biến nội quy, quy chế của cơ sở giam giữ và yêu cầu người bào chữa chấp hành nghiêm chỉnh. Và để bảo đảm cho người bào chữa có thể tiếp cận hồ sơ chứng cứ liên quan đến việc bào chữa, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm bố trí thời gian, địa điểm để người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra, nếu có yêu cầu đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa.²³ Để bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa, BLTTHS cũng quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng xét xử điều khiển việc tranh tụng, phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án.

- Quy định về thủ tục tố tụng liên quan đến việc thực hiện quyền bào chữa, đặc biệt là thủ tục tố tụng tại phiên tòa có những thay đổi phù hợp với những quy định mới về địa vị pháp lý của người bị buộc tội, người bào chữa và các chủ thể, theo đúng

định hướng của nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc suy đoán vô tội và những nguyên tắc cơ bản khác. Cụ thể như quy định việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc trụ sở cơ quan điều tra, cơ quan có thẩm quyền điều tra phải được ghi âm, ghi hình có âm thanh (Điều 183); trình bày ý kiến về kết quả định giá, yêu cầu định giá lại (Điều 222); thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo có quyền hỏi bị cáo khác, hỏi bị hại, đương sự và đại diện của họ, hỏi người làm chứng về những vấn đề liên quan, đưa chứng cứ và lập luận, đối đáp tại tòa; quy định mới về sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa theo hướng bảo đảm hơn sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa, tôn trọng yêu cầu hoãn phiên tòa của bị cáo khi người bào chữa vắng mặt, theo đó trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa v.v.²⁴

3. Để bảo đảm hơn nữa quyền bào chữa của người bị buộc tội, qua nghiên cứu, đánh giá những quy định của BLTTHS năm 2015, chúng tôi nhận thấy ngoài những thay đổi bổ sung rất tích cực nhằm bảo đảm quyền bào chữa, vẫn cần sửa đổi, bổ sung, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa quy định của BLTTHS năm 2015 về bảo đảm quyền của người bị buộc tội, cụ thể là những nội dung sau:

- Bổ sung khái niệm người bị buộc tội quy định tại điểm đ Điều 4 BLTTHS năm 2015 để xác định đầy đủ hơn diện người được coi là người bị buộc tội và thống nhất với quy định tại Điều 58 BLTTHS năm 2015 với nội dung “người bị buộc tội

²² Điều 79 BLTTHS năm 2015

²³ Điều 80, 82 BLTTHS năm 2015

²⁴ Mục V Chương 21 BLTTHS; Điều 354 BLTTHS năm 2018

là người bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo". Cụ thể:

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

1. Trong bộ luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

.....

đ) Người bị buộc tội là người bị bắt, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo

.....

- Bổ sung quy định về trình tự xét hỏi tại phiên tòa cho thống nhất với quyền của bị cáo. Theo điểm i khoản 2 Điều 61 BLTTHS năm 2015, bị cáo có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; tranh luận tại phiên tòa. Tuy nhiên Điều 307 BLTTHS năm 2015 về thủ tục xét hỏi không quy định thủ tục cho bị cáo được hỏi, vì vậy chúng tôi kiến nghị bổ sung Điều 307 BLTTHS năm 2015 cụ thể như sau:

Điều 307. Trình tự xét hỏi

1. (giữ nguyên)

2. ...

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ. *Bị cáo được hỏi người tham gia phiên tòa nếu được Chủ tọa đồng ý.*

.....

3. (giữ nguyên)

- Để bảo đảm quyền "có đủ thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do chính mình lựa chọn"²⁵ của người bị buộc tội, theo chúng tôi cần bổ sung quy định người bị buộc tội trong các vụ án áp dụng thủ tục

rút gọn phải được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ định người bào chữa. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, việc áp dụng thủ tục rút gọn thuộc quyền chủ động của cơ quan tiến hành tố tụng. Mặc dù thủ tục này góp phần giải quyết nhanh gọn vụ án hình sự, hạn chế tình trạng tồn đọng án nhưng ở góc độ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, quy định về thủ tục rút gọn ở Việt Nam khó bảo đảm quyền bào chữa cho người bị buộc tội. Với thời gian rất ngắn và thường bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam để việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, người bị buộc tội không có được thời gian và điều kiện thuận lợi để chuẩn bị bào chữa và liên hệ nhờ người bào chữa. Do đó, theo chúng tôi, để vừa bảo đảm việc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời, vừa bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, cần quy định cơ quan có thẩm quyền tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo trong các vụ án áp dụng thủ tục rút gọn. Chúng tôi kiến nghị bổ sung khoản 1 Điều 76 chỉ định bào chữa, cụ thể như sau:

Điều 76. Chỉ định người bào chữa

1. Trong các trường hợp sau đây, nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho họ:

a) (giữ nguyên)

b) (giữ nguyên)

c). *Người bị áp dụng thủ tục rút gọn.*

- Sửa đổi một số quy định tại các điều 77, 78, 291, 422 BLTTHS năm 2015 theo hướng người bị buộc tội và người đại diện của họ đều có các quyền đăng kí bào chữa; lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa vì người bị buộc tội và người đại diện của họ tham gia tố tụng không phải do

²⁵ Điểm b khoản 2 Điều 14 Công ước về quyền dân sự và chính trị năm 1966

ủy quyền mà tham gia với tư cách tố tụng riêng, có các quyền độc lập, không phụ thuộc nhau. Cụ thể:

+ Điều 77 BLTTHS năm 2015 quy định mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án, trừ trường hợp người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi. Theo quy định này, nếu thay đổi hoặc từ chối người bào chữa của người bị buộc tội có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 tuổi thì không cần sự đồng ý của người bị buộc tội là hạn chế quyền bào chữa của người bị buộc tội. Vì vậy chúng tôi kiến nghị sửa Điều 77 BLTTHS như sau:

Điều 77. Thay đổi hoặc từ chối người bào chữa

1. Những người sau đây có quyền từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa:

- a) Người bị buộc tội;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội;
- c) Người thân thích của người bị buộc tội.

Mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội và được lập biên bản đưa vào hồ sơ vụ án. *(bỏ đoạn “trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này”)*.

+ Khoản 5 Điều 78 BLTTHS năm 2015 về đăng ký bào chữa quy định Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bào chữa khi thuộc một trong các trường hợp không được bào chữa theo quy định tại khoản 4 Điều 72 của BLTTHS và trường hợp người bị buộc tội thuộc trường hợp chỉ định người bào chữa từ chối người bào chữa. Điều khoản này không quy định

cần ý kiến của đại diện của người bị buộc tội là người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18. Quy định này hạn chế việc người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa dẫn đến không bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Khoản 6 Điều 78 BLTTHS năm 2015 quy định “văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp: người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa; người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa”. Theo quy định này, trong trường hợp người bị buộc tội là người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18 (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này) thì chỉ cần người đại diện hoặc người thân thích của họ từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa thì văn bản thông báo người bào chữa không còn giá trị sử dụng, đồng nghĩa với việc chấm dứt tham gia tố tụng của người bào chữa mà không cần ý kiến của người bị buộc tội. Quy định này là không tôn trọng lựa chọn, thay đổi, từ chối người bào chữa của người bị buộc tội, và nếu như người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội vì những lí do khác nhau mà không bảo vệ quyền và lợi ích của người bị buộc tội thì quy định này có thể dẫn đến những hậu quả bất lợi cho người bị buộc tội.

Vì vậy chúng tôi kiến nghị bổ sung Điều 78 BLTTHS như sau:

Điều 78. Thủ tục đăng ký bào chữa

Khoản 1, 2, 3, 4. (giữ nguyên)

5. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bào chữa khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật này;

b) Người bị buộc tội từ chối người bào chữa; *người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và người đại diện hoặc người thân thích của họ từ chối người bào chữa.*

6. Văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp:

a) Người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa;

b) *Người bị buộc tội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này và người đại diện hoặc người thân thích của họ từ chối người bào chữa.*

7. (giữ nguyên)

+ Khoản 2 Điều 291 BLTTHS năm 2015 quy định về sự có mặt của người bào chữa tại phiên tòa sơ thẩm hình sự như sau: “Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa”. Theo quy định này, chỉ cần một trong hai người, hoặc bị cáo, hoặc người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa là Hội đồng xét xử có thể tiếp tục xét xử không phải hoãn phiên tòa. Quy định như vậy là không hợp lý, người đại diện của bị cáo tham gia phiên tòa với tư cách độc lập để trợ giúp cho bị cáo là người có nhược điểm về thể chất mà không thể tự bào chữa; người có nhược điểm về tâm thần hoặc là người dưới 18, quyền của những người này

và của bị cáo độc lập với nhau, không phải bị cáo ủy quyền cho người đại diện. Vì vậy, chỉ khi cả bị cáo và người đại diện đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa thì Hội đồng xét xử mới có thể tiếp tục xét xử, còn nếu bị cáo hoặc người đại diện của họ yêu cầu hoãn phiên tòa khi vắng mặt người bào chữa thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Vấn đề này trước đây đã được hướng dẫn cụ thể tại mục d.2 khoản 3 mục II Nghị quyết 03/2004/ NQ-HĐTP ngày 2/10/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003 với những nội dung bảo đảm phù hợp được quyền bào chữa của bị cáo cũng như quyền của người đại diện của bị cáo.²⁶ Chúng tôi cho rằng, cần sửa đổi khoản 2 Điều 291 theo hướng Hội đồng xét xử chỉ tiếp tục xét xử khi cả bị cáo và người đại diện đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

²⁶ Mục d.2 khoản 3 mục II Nghị quyết 03/2004/ NQ-HĐTP ngày 2/10/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTHS năm 2003:

d.2) Trường hợp yêu cầu từ chối người bào chữa (kể cả trường hợp đã có yêu cầu từ chối người bào chữa trước khi mở phiên tòa), thì Hội đồng xét xử cần phải giải thích cho họ biết người bào chữa sẽ giúp bị cáo về mặt pháp lý nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị cáo và chi phí cho người bào chữa do Tòa án thanh toán.

Trong trường hợp bị cáo là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà cả bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến từ chối người bào chữa thì cần phải ghi vào biên bản phiên tòa và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung mà không có sự tham gia của người bào chữa đã được cử. Nếu chỉ có bị cáo từ chối người bào chữa, còn người đại diện hợp pháp của bị cáo không từ chối người bào chữa hoặc chỉ có người đại diện hợp pháp của bị cáo từ chối người bào chữa, còn bị cáo không từ chối người bào chữa, thì tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, có sự tham gia của người bào chữa đã được cử.

Điều 291. Sự có mặt của người bào chữa

1. (giữ nguyên)

2. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 1 Điều 76 của Bộ luật này mà người bào chữa vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp bị cáo và (thay từ *hoặc* bằng từ *và*) người đại diện của bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

+ Khoản 1 Điều 422 BLTTHS quy định “người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người người khác bào chữa” là không hợp lý, không thống nhất với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội quy định tại Điều 16 BLTTHS năm 2015 với nội dung người bị buộc tội đồng thời có cả quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa, họ có thể thực hiện cả quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa; cũng có thể không nhờ người khác bào chữa. Khoản 2 của Điều 422 BLTTHS năm 2015 quy định trách nhiệm chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội dưới 18 tuổi thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án là chưa bao hàm hết các chủ thể có trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa theo quy định tại Điều 16 BLTTHS. Vì vậy, cần sửa đổi quy định tại khoản 1 và 2 Điều 422 BLTTHS năm 2015 cho phù hợp với quy định tại Điều 16 BLTTHS năm 2015. Trên cơ sở phân tích trên, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 422 BLTTHS năm 2015 cụ thể như sau:

Điều 422. Bào chữa

1. Người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi có quyền tự bào chữa, (bỏ chữ *hoặc*, thay bằng *dấu phẩy*) nhờ người khác bào chữa.

2. (Giữ nguyên)

3. Trường hợp người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi không có người bào chữa hoặc người đại diện của họ không lựa

chọn người bào chữa thì *cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng* phải chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật này.

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 81 BLTTHS năm 2015 về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện đề nghị thu thập chứng cứ của người bào chữa.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 BLTTHS năm 2015, trường hợp không thể thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa thì người bào chữa có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập. Tuy nhiên điều luật không quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện đề nghị thu thập chứng cứ của người bào chữa, điều đó làm cho điều luật thiếu tính chặt chẽ, không bảo đảm quyền của người bào chữa. Vì vậy chúng tôi kiến nghị bổ sung khoản 3 Điều 81 như sau:

Điều 81. Thu thập, giao chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa

1. (giữ nguyên)

2. (giữ nguyên)

3. Trường hợp không thể thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa thì người bào chữa có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập. *Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thực hiện yêu cầu của người bào chữa, nếu không thực hiện được phải trả lời và nói rõ lý do.*

4. Ngoài những kiến nghị sửa đổi bổ sung cụ thể nêu trên, chúng tôi nêu hướng kiến nghị một số vấn đề sau:

- Để bảo đảm thời gian cho người bị buộc tội tiếp xúc với người bào chữa, bảo đảm thời gian để người bào chữa nghiên cứu vụ án, thực hiện việc bào chữa, tránh

tình trạng người bào chữa tham gia vào tố tụng hình sự mà không đủ thời gian để tiếp xúc với người bị buộc tội cũng như không đủ thời gian để chuẩn bị cho việc bào chữa, cần bổ sung quy định về thời gian người bào chữa nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc với bị can, bị cáo, bổ sung quy định người bào chữa có quyền đề nghị tạm ngừng hoặc hoãn phiên tòa vì lí do kiểm tra chứng cứ mới. Tuy nhiên, để tránh việc gây khó khăn cho điều tra, truy tố, xét xử, việc bảo đảm về thời gian này sẽ không được đáp ứng nếu sự chậm chễ tham gia tố tụng của người bào chữa do nguyên nhân chủ quan của người bị buộc tội và người bào chữa.

- Để đảm bảo tốt nhất cho yêu cầu lựa chọn người bào chữa của người bị buộc tội, đặc biệt là người bị buộc tội đang bị bắt, tạm giữ được nhanh chóng và thuận lợi, các cơ quan có thẩm quyền tố tụng cần phải có danh sách luật sư và trợ giúp viên pháp lí, cung cấp thông tin cho người bị buộc tội để họ lựa chọn người bào chữa. Để thực hiện điều này, các Đoàn luật sư, Trung tâm trợ giúp pháp lí cần có danh sách các luật sư và trợ giúp viên pháp lí gửi đến các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Điểm a khoản 3 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 quy định người bị buộc tội “được thông báo không chậm trễ và chi tiết bằng một ngôn ngữ mà người đó hiểu về bản chất và lý do buộc tội mình”. BLTTHS năm 2015 đã có quy định về quyền của người bị buộc tội và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ cho người bị buộc tội. Tuy nhiên, để tăng tính minh bạch và để thực hiện nghiêm chỉnh hoạt động này, chúng tôi đồng ý với ý kiến cho rằng cần phải có quy định về việc phải lập biên bản về việc giải thích quyền và ng-

hĩa vụ của người bị buộc tội, trong đó có quyền bào chữa, người bị buộc tội phải ký xác nhận là đã được giải thích các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các biên bản này phải được lưu tại hồ sơ vụ án như một quy định bắt buộc.²⁷

5. Quyền bào chữa của người bị buộc tội là một trong những quyền con người cơ bản và quyền tố tụng quan trọng nhất của người bị buộc tội. Việc bảo đảm cho người bị buộc tội thực hiện quyền bào chữa là yêu cầu khách quan của tố tụng hình sự. Bảo đảm thực hiện quyền bào chữa không chỉ bảo đảm quyền con người, quyền và các lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội mà còn là điều kiện cần thiết để xác định sự thật của vụ án khách quan, toàn diện, đầy đủ; góp phần bảo đảm việc giải quyết vụ án hình sự công bằng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) đã có những sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường bảo đảm về mặt pháp luật cho việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội. Mặc dù vậy, một số quy định của BLTTHS năm 2015 về bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội vẫn còn những hạn chế nhất định, cần tiếp tục được hoàn thiện. Qua nghiên cứu, đánh giá những quy định của BLTTHS năm 2015, chúng tôi kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTHS năm 2015 về bảo đảm quyền của người bị buộc tội nhằm bảo đảm hơn nữa quyền bào chữa của người bị buộc tội./.

²⁷ Hà Thái Thơ, Huỳnh Xuân Tình, Đảm bảo quyền bào chữa theo quy định của Hiến pháp 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự 2013, <http://www.lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/1902-dam-bao-quyen-bao-chua-theo-quy-dinh-cua-hien-phap-2013-va-bo-luat-to-tung-hinh-su-2015.html>, đăng ngày 16/3/2017, truy cập ngày 24/10/2018.